3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division

Tạ Thị Hương Giang

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer

HUNG
NGUYEN VIET HUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*
P

Mã số / *Code*
VNM

Số hộ chiếu / *Passport N°*
C5575073

Họ và tên / *Full name*
NGUYỄN VIỆT HUNG

Quốc tịch / *Nationality*
VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth*
18 / 11 / 1999

Nơi sinh / *Place of birth*
BẮC GIANG

Giới tính / *Sex*
NAM / M

Số GCMND / *ID card N°*
122324298

Ngày cấp / *Date of issue*
13 / 07 / 2018

Có giá trị đến / *Date of expiry*
13 / 07 / 2028

Nơi cấp / *Place of issue*
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMNGUYEN<<VIET<HUNG<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C5575073<6VNM9911189M2807133122324298<<<<<52

VIETNAM - IMMIGRATION
NỘI BÀI
11 FEB 2019

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR
上陸許可
LANDING PERMISSION
Date of permit 12 FEB 2019
上陸年月日
上陸期限 12 FEB 2020
Status of Residence: Technical Intern Training (I)(b)
在留資格
在留期間 One year
Duration:
NARITA
18056836800
KKHL6869520
HE5525928 9FA

JAPAN VISA
日本国査証

[redacted]

EB8299545

Place of Issue: HANOI
Date of Issue: 30 JAN 19
Date of expiry: 30 APR 19
No.of entries: SINGLE
Issue No.: 19B10146
For stay(s) of: 1 YEAR
Category: (E) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)
Surname/Given name: NGUYEN VIET HUNG
Passport No.: C5575073
Sex: M
Date of birth: 18 NOV 99
Nationality: VNM
No. of applicants
Remarks: TBY18-063180

JAPAN VISA

MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS JAPAN

V<JPNNGUYEN<<VIET<HUNG<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C5575073<6VNM9911189M190430119B10146620A<E17